

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 9- 2023

“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
Chia tài sản khi ly hôn”.

**CỘNG H. XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiều H Mok.

2. Ông Bùi Ngọc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án -Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 181/2023/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 28/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N.T.K.H , sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 05 L, tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình B là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 865 A H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Bị đơn: Anh N.M.H , sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 05 L, tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2012 tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã về những lý do nhỏ nhặt. Nay chị H nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh H. nữa, nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị H ly hôn với anh H..

- Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh H. có 02 người con chung là cháu: Nguyễn Minh T sinh ngày 02/6/2013 và cháu Nguyễn Hà Ngọc D, sinh ngày 24/02/2016. Chị H có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hà Ngọc D và giao cháu Nguyễn Minh T cho anh H. chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng*: Chị H không yêu cầu anh H. cấp dưỡng nuôi con chung.
- *Về tài sản chung*: Trong quá trình chung sống chị H và anh H. có tạo lập được tài sản chung là khoản tiền tiết kiệm 1.150.000.000, cụ thể như sau:

1. Ngày 16 tháng 5 năm 2022 anh H. có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 750.000.000 đồng.

2. Ngày 08 tháng 6 năm 2022 anh H. có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 400.000.000 đồng.

Tuy nhiên, hiện nay anh H. đã tự ý rút hết các khoản tiền trên và đã chi tiêu mà không có sự đồng thuận của chị H. Vì vậy, chị H yêu cầu anh H. phải trả lại cho chị H số tiền 550.000.000 đồng. Số tiền còn lại 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) phần của anh Hoà.

- *Về nợ chung*: Chị H và anh H. tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đồng ý với phần trình bày ở trên của chị H về phần tài sản chung và không trình bày, bổ sung gì thêm.

Bị đơn anh N.M.H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Vào ngày 31/8/2012 anh H. kết hôn với chị H trên cơ sở tự nguyện tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là chị H thường xuyên chơi bời ăn nhậu với bạn bè, nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh H. không đồng ý vì con cái thiếu sự chăm sóc của cha mẹ và anh H. muốn vợ chồng chung sống để nuôi dạy con cái.

- *Về con chung*: Anh H. thống nhất với ý kiến trình bày của chị H. Tuy nhiên, nguyện vọng của anh H. muốn được Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Trường hợp được nuôi dưỡng hai con chung anh H. không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh H. thừa nhận anh có gửi khoản tiền tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần V với tổng số tiền 1.150.000.000đ (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) như chị H trình bày. Anh H trình bày đối với số tiền này có một phần là tài sản riêng của anh và hiện nay anh rút hết để trả nợ nần và chăm sóc vườn cây trồng mua rẫy để làm ăn nên các tài khoản Ngân hàng hiện nay không còn và số tiền trong tài khoản do anh H. rút để làm ăn. Tuy nhiên anh H không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh.

Tại biên bản xác minh ngày 06/7/2023, tại Hội phụ nữ UBND phường Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ: Anh H, chị H chung sống tự nguyện với nhau và có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh H, chị H có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không báo lên chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không nắm rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với Thẩm phán, HĐXX, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 72 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, khoản 1

Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật HN&GD: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N.T.K.H ly hôn với anh N.M.H ; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/6/2013 cho anh H. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Giao cháu Nguyễn Hà Ngọc D, sinh ngày 24/02/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Về tài sản chung: Buộc anh H. phải trả lại cho chị H số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) là giá trị tài sản chung mà chị H được hưởng.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H. giải nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành H. giải, công khai chứng cứ đối với các đương sự được.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị H, anh H. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2012 tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn HDXX thấy: Chị H, anh H. đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2012 tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường hay cãi vã từ những lý do nhỏ nhặt và thường xuyên mâu thuẫn nhau. Nay chị H nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh H. nữa, nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị H ly hôn với anh H.. Tuy nhiên, anh H. không đồng ý ly hôn với chị H vì con cái thiếu sự chăm sóc của cha mẹ và anh H. muốn vợ chồng chung sống để nuôi dạy con cái. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh H. đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị H ly hôn anh H. là phù hợp với biên bản xác minh và phù hợp các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị H, anh H. có 02 con chung là: Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/6/2013 và cháu Nguyễn Hà Ngọc D, sinh ngày 24/02/2016. Hiện nay cháu D đang ở với chị H và cháu T đang ở với anh H.. Hội đồng xét xử nhận thấy, cần giao cháu D cho chị H và giao cháu T cho anh H. nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh H. có tạo lập được tài sản chung là khoản tiền tiết kiệm 1.150.000.000đ (Một tỷ một trăm năm

mười triệu đồng) và đã gửi tiết kiệm số tiền này tại Ngân hàng thương mại cổ phần V. Tuy nhiên, hiện nay anh H. đã tự ý rút hết các khoản tiền trên và đã chi tiêu mà không có sự đồng thuận của chị H. Anh H trình bày đối với số tiền này có một phần là tài sản riêng của anh và hiện nay anh rút hết để trả nợ nần và chăm sóc vườn cây trồng, mua rẫy để làm ăn nên các tài khoản Ngân hàng hiện nay không còn và số tiền trong tài khoản do anh H. rút để làm ăn. Tuy nhiên anh H không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Vì vậy chị H yêu cầu anh H. phải trả lại cho chị H số tiền 550.000.000 đồng là giá trị tài sản chung mà chị H được hưởng là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 33, Điều 38, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a và b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N.T.K.H .

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị N.T.K.H được ly hôn với anh N.M.H .

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/6/2013 cho anh H. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Giao con chung Nguyễn Hà Ngọc D, sinh ngày 24/02/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

3. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết.

Chị H và anh H. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Anh N.M.H có nghĩa vụ trả cho chị N.T.K.H số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) là giá trị tài sản chung mà chị H được hưởng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Chị N.T.K.H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 13.300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0018393, ngày 10/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ,

tỉnh Đắk Lắk. Chị H còn phải nộp số tiền 13.000.000 (Mười ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- THADS thị xã Buôn Hồ;
- UBND P. Thống Nhất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đinh Thị Hường